

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2017/HSST

Ngày: 12/ 9 /2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐG TỈNH KT**

-Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Du

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Y Hương.

2. Ông Lương Xuân Gụ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐG tỉnh KT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG tỉnh KT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐG tỉnh KT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST – HS ngày 29 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Y M; tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 4 năm 1999, tại huyện ĐG, tỉnh KT; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại: Thôn Pêng Sal Pêng, xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh KT; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Dê; quốc tịch: Việt Nam; Con ông A M và bà Y P, cùng trú tại: Thôn Pêng Sal Pêng, xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh KT; bị cáo có 01 con sinh tháng 8/2017.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ A M1; sinh năm 1963 và bà Y N - Cùng trú tại: Thôn Đăk Đoát, xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh KT;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Tiến A; sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, huyện ĐG, tỉnh KT;

+ Ông Nguyễn Văn Y; sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, huyện ĐG, tỉnh KT;

+ Ông Nguyễn Hải T; sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, huyện ĐG, tỉnh KT;

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Chị Y D; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đăk Đoát, xã Đ, huyện ĐG, tỉnh KT;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 28/4/2017 Y M từ nhà đi qua bãi đất trống thuộc thôn Đăk Đoát, xã Đ, huyện ĐG thì phát hiện 03 (ba) con bò đang buộc ở phía trong bãi đất trống, cách đường liên xã ĐN, huyện ĐG lần lượt 33m; 44,2m và 49m, nên Y M gọi điện thoại cho ông Nguyễn Hải T; trú tại Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, huyện ĐG hỏi “*Có mua bò không*”, ông T nói “*Bò của ai, ở đâu*”, Y M trả lời “*Bò của nhà tôi, do mẹ tôi đang bị đau nằm ở Bệnh viện nên cần bán để lấy tiền đóng viện phí, bò đang buộc ở bãi đất trống đầu làng và hẹn gặp ở đầu làng thôn Đăk Đoát để xem, mua bán bò*”. Khi nghe Y M nói vậy, ông T gọi điện cho ông Nguyễn Văn Y; trú tại Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, huyện ĐG hỏi “*Có mua bò không*”, ông Y hỏi lại ông T “*Bò của ai bán vậy*”, thì ông T nói “*Có một người con gái nhà ở Đăk Nhoong, mẹ đang đau nằm Bệnh viện cần tiền nên bán bò, hiện đang buộc ở bãi đất trống đầu làng thôn Đăk Đoát*”, sau đó ông T lấy xe mô tô của ông T chở ông Y đi vào đầu làng thôn Đăk Đoát, xã Đ nơi Y M nói để xem bò, sau khi xem bò xong, ông Y trả 03 (ba) con bò với giá 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*), Y M đồng ý bán, do không mang đủ tiền nên ông Y và ông T đi về nhà ông Y lấy tiền, khi về nhà lấy tiền thì ông Y gọi cho ông Võ Tiến A; trú tại: Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, huyện ĐG vào chở bò, ông Võ A lái xe ô tô Biển kiểm soát 82C – 002.24 lên nhà ông Y cùng ông Y đi vào chở bò. Khi vào đến nơi buộc bò, ông Y cùng ông T, Y M dắt bò lên xe. Sau đó ông Y đưa cho Y M số tiền 20.700.000 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*), bớt 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để trả tiền thuê xe, Y M đồng ý.

Khoảng 11 giờ 00 phút ông A M phát hiện gia đình bị mất 03 (ba) con bò nên đi tìm, khi đi qua nhà ông Y thì ông A M thấy 03 (ba) con bò của mình ở nhà ông Y, nên ông A M hỏi ông Y “*Ai bán bò mà chở về*”, ông Y nói “*Có người con gái điện thoại cho ông T, nên ông T giới thiệu tôi đến mua*”. Khi biết 03 (ba) con bò trên của ông A M, nên ông Y đã gọi cho ông T qua nhà để nói chuyện, khi biết 03 (ba) con bò không phải của nhà Y M nên ông T gọi điện cho Y M, Y M hẹn ông T đi ra hồ Đăk Xanh để gặp và lấy lại số tiền 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*), sau đó ông T trả lại tiền cho ông Y và thuê xe chở 03 (ba) con bò về nhà cho ông A M.

Tại kết luận định giá tài sản số 05/KL – HĐ ngày 25/5/2017 kết luận 03 (ba) con bò có giá trị là 27.250.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 08/KSĐT – CT ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG truy tố bị cáo Y M về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “**Trộm cắp tài sản**”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, l, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là từ 12 đến 24 tháng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu là đúng. Bị cáo thực hiện trộm cắp 03 con bò một mình, không có ai xúi dục. Vì sắp đến ngày sinh con mà bị cáo không có tiền, không có người giúp đỡ, bố mẹ cũng có hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo đã suy nghĩ không đúng và trộm cắp 03 con bò nhà ông A M. Mục đích trộm cắp bò là bán lấy tiền để trả nợ, và để sinh con. Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi gia đình ông A Mr. Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo mới sinh con vào tháng 8/2017 nên kính mong HĐXX cho bị cáo được ở nhà để có điều kiện chăm sóc con.

Người bị hại: Ông A M trình bày, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu việc gia đình tôi bị Y M trộm cắp 03 con bò là đúng, Tôi không có tranh luận gì với bản luận tội bị cáo Y M mà VKS vừa công bố. Gia đình tôi đã nhận lại 03 con bò và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì. Tôi và vợ tôi là ba Y N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt họ, và không yêu cầu gì về việc bồi thường đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được ở nhà nuôi và chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xuất phát từ lợi ích cá nhân, chỉ vì muốn có tiền để trả nợ và chuẩn bị cho việc sinh con, nên khoảng 10 giờ ngày 28/4/2017 bị cáo Y M đã lợi dụng sơ hở trong tập quán chăn thả gia súc của bà con tại địa phương thường cột bò tại một vị trí để cho bò ăn mà không có người trông coi, nên bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 03 (ba) con bò của ông A M đang cột tại bãi đất trống đầu làng thuộc thôn Đăk Đoát, xã ĐP, huyện ĐG, bán cho ông Nguyễn Văn Y với giá 21.000.000 đồng. Ông Y đã chở ba con bò từ nơi mà ông A M rứt cột cho bò ăn về tới nhà ông Y tại Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đ, bị cáo đã nhận 20.700.000 đồng từ ông Y, ông Y bớt lại 300.000 đồng trả tiền thuê xe ô tô của ông Võ Tiến A chở bò về nhà. Kết quả định giá trị giá 03 (ba) con bò là 27.250.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hành vi trên đây

của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh, xã hội tại địa phương. Vì vậy cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo đang có thai, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản bị trộm cắp đã được thu giữ và trả lại đầy đủ cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã bồi thường cho ông Yên để trả tiền thuê xe chở 03 con bò. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có hoàn cảnh gia đình nghèo khó, hiện tại đang nuôi con nhỏ mới sinh vào ngày 10/ 8/2017. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện được áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát trong thời gian chấp hành án vẫn bảo đảm việc giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn phải tự một mình nuôi con nhỏ, nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 điều 138 của BLHS đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông A M và bà Y N đã nhận lại 03 (ba) con bò, và có đơn bãi nại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường ,vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 03 con bò bị Y M trộm cắp là tài sản hợp pháp của ông A M và bà Y N, ông A M và bà Y N đã nhận lại đầy đủ.

Chiếc xe mô tô BKS N1-014.49 chủ sở hữu hợp pháp là anh A H, anh trai của bị cáo, bị cáo dùng chiếc xe này đi trộm cắp bò, nhưng A H không biết, nên cơ quan điều tra không thu giữ là đúng quy định.

Chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với ông Nguyễn Hải T nhằm mục đích tìm hộ người mua bò, đây là công cụ dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo đã làm mất, cơ quan điều tra đã làm rõ hiện tại chiếc điện thoại này không còn, nên không thể thu giữ được là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Hải T, ông Nguyễn Văn Y, ông Võ Tiến A không biết 03 con bò mà bị cáo bán là tài sản do bị cáo Trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra

không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T, ông Y, ông Á là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Y M phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Y M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Y M 12(mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (12/9/2017).

Giao bị cáo Y M cho Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện ĐG, tỉnh KT theo dõi, giám sát giáo dục, trong thời gian chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Y M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*).

Căn cứ các Điều 231, 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (12/9/2017). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND CC Tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KT;
- VKSND huyện ĐG;
- CA huyện ĐG
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ VA.
-

(Đã ký)

Phạm Trường Du